TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/KDTM-ST
Ngày 30-01-2018
V/v: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh;

Bà Trần Thị Kim Phượng.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một không tham gia phiên tòa:

Ngày 30 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 42/2017/TLST-KDTM ngày 04 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2017/QĐST-KDTM ngày 22/12/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐST-KDTM ngày 12/01/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Công ty TNHH S M; địa chỉ: nhà xưởng 1, đường số 7, khu công nghiệp T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tư L, sinh năm 1988; địa chỉ: đường P, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Văn bản ủy quyền ngày 06/8/2017). (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn*: Công ty Cổ phần Sản xuất Thú nhồi bông K P; địa chỉ: đường N, Khu phố 6, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn trình bày: Khoảng tháng 8 năm 2015, Công ty TNHH S M (gọi tắt Công ty S M) và Công ty Cổ phần Sản xuất Thú nhồi bông K P (gọi tắt Công ty K P) có tham gia quá trình đàm phán, thương lượng nhằm tiến tới ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa như sau: Công ty S M bán cho Công ty K P hàng hóa là bông gòn với số lượng 5.000kg, đơn giá là 33.636 đồng/1kg. Công ty K P có nghĩa vụ thanh toán 100% giá trị hợp đồng sau 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hàng và hóa đơn giá trị gia tăng, hai bên thống nhất các điều khoản chung; Công ty S M gửi

bản thảo hợp đồng lần cuối cho Công ty K P ký hợp đồng, tuy nhiên Công ty K P chưa tiến hành ký hợp đồng.

Ngày 05/10/2015, sau khi nhận được đề nghị giao hàng của Công ty K P, Công ty S M đã tiến hành giao bông gòn cho Công ty K P với số lượng là 2.800kg đơn giá là 31.818 đồng/01kg, tổng giá trị hàng hóa bao gồm cả Thuế giá trị gia tăng là 97.999.440 đồng.

Công ty S M đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty K P vào ngày 27/10/2015, số hóa đơn 0000365, Công ty K P đã nhận hóa đơn và cam kết thanh toán cho Công ty S M sau 30 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn.

Tuy nhiên, sau khi Công ty K P nhận được hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty S M thì khi Công ty K P không thực hiện việc thanh toán tiền cho nguyên đơn mặc dù Công ty S M có nhiều lần nhắc nhở yêu cầu Công ty K P thanh toán.

Vì vậy, Công ty S M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xét xử buộc Công ty K P có trách nhiệm thanh toán cho Công ty S M các khoản như sau: Số tiền gốc 97.999.440 đồng theo hóa đơn giá trị gia tăng vào ngày 27/10/2015, số hóa đơn 0000365. Tiền lãi quá hạn chậm thanh toán 24 tháng từ ngày 27/12/2015 đến ngày 27/12/2017, cụ thể: 24 tháng x 13%/năm (lãi suất quá hạn) x 97.999.440 đồng thành tiền là 25.479.855 đồng. Tổng cộng số tiền là 123.479.295 đồng (trong đó nợ gốc 97.999.440 đồng; nợ lãi 25.479.855 đồng)

Bị đơn Công ty K P đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển giao tài liệu, chứng cứ nguyên đơn khởi kiện, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai tại Tòa án. Tuy nhiên, bị đơn Công ty K P không đến Tòa án cũng không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Công ty K P đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng, niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai tại Tòa án. Tuy nhiên, Bị đơn Công ty K P không đến Tòa án cũng không nộp văn bản ý kiến của mình. Đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đại diện nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 241 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án: Công ty S M bán hàng hóa cho Công ty K P hàng hóa là bông gòn với số lượng là 2.800kg đơn giá là 31.818 đồng/01kg, tổng giá trị hàng hóa bao gồm cả Thuế giá trị gia tăng là 97.999.440 đồng. Công ty S Mđã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty K P vào ngày 27/10/2015, số hóa đơn 0000365, Công ty K P đã nhận hóa đơn, tuy nhiên bị đơn Công ty K P không thanh toán nợ cho Công ty S M.

Bị đơn Công ty K P đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng. Tuy nhiên, bị đơn Công ty K P không đến Tòa án, cũng không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xem xét các chứng cứ do nguyên đơn nộp cho Tòa án.

[3] Từ những tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định giữa Công ty S M và Công ty K P có xác lập và thực hiện hợp đồng bán hàng hóa là bông gòn với số lượng là 2.800kg đơn giá là 31.818 đồng/01 kg. Theo quy định tại Điều 55 Luật Thương Mại thì "*bên mua phải thanh toán cho bên bán vào thời điểm bên bán giao hàng hoặc giao chứng từ liên quan đến hàng hoá".* Tuy nhiên, bị đơn Công ty K P không thanh toán nợ cho Công ty S M. Do đó, nguyên đơn Công ty S M khởi kiện buộc bị đơn Công ty K P phải thanh toán nợ gốc và lãi suất chậm thanh toán là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 55 và Điều 306 Luật Thương mại.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn Công ty K P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30; 35; 147, 227; 228; 241, 266, 269, 271, và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 24, 50, 55, và 306 Luật Thương mại.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH S M đối với bị đơn Công ty Cổ phần Sản xuất Thú nhồi bông K P về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa ".

Buộc Công ty Cổ phần Sản xuất Thú nhồi bông K Ph có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH S M tổng số tiền là 123.479.295 đồng (một trăm hai mươi ba triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn hai trăm chín mươi lăm đồng) (trong đó nợ gốc 97.999.440 đồng; nợ lãi 25.479.855 đồng)

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần Sản xuất Thú nhồi bông K P phải nộp 6.173.964 đồng (sáu triệu một trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm sáu mươi bốn đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty TNHH S M không phải nộp án phí sơ thẩm. Hoàn trả Công ty TNHH S M số tiền 3.007.000 đồng (Ba triệu không trăm lẻ bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0001576 ngày 28/9/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo luật định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục thi hành án dân sự TP T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Phong